

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ – ST.

Ngày: 28/9/2020

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp; Ông Lò Văn Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Thúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2020/TLST - HNGĐ ngày 09/7/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 27/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 11/9/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 17/9/2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị P, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản Cu, xã CB, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn X, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Bản C, xã CL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai, tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị P trình bày:

Chị Quàng Thị P và anh Quàng Văn X kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 13/01/2016, tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn, đến đầu năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do anh X không chịu lao động, chơi bời sử dụng ma túy dẫn đến nghiện ma túy, mặc dù đã được chị P cùng gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không được, cuộc sống vợ chồng thường Xu xảy ra xung đột, mâu thuẫn, việc anh X sử dụng ma túy đã ảnh hưởng lớn đến cuộc sống gia đình,

ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con cái, chị P và anh X đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị P cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Quảng Văn X.

Về con chung: Chị P và anh X có 03 con chung, cháu Quảng Thị Xu, sinh ngày 18/11/2009; cháu Quảng Thị L, sinh ngày 01/3/2011; cháu Quảng Thị HA, sinh ngày 20/11/2015. Từ năm 2018 vợ chồng ly thân, cả ba cháu đều đang sống với chị P. Chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dạy và chăm sóc cả ba con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị P cam đoan không có nợ chung.

Đối với bị đơn anh Quảng Văn X: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Quảng Văn X không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không viết bản tự khai theo yêu cầu của Tòa án, không tham gia phiên hòa giải.

Các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 209; Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật các quy định tại Điều 70; Điều 72; Điều 209; Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đề nghị áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử cho chị Lò Thị P được ly hôn anh Quảng Văn X, giao cháu Quảng Thị Xu, sinh ngày 18/11/2009; cháu Quảng Thị L, sinh ngày 01/3/2011; cháu Quảng Thị HA, sinh ngày 20/11/2015 cho chị Lò Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chấp nhận chị Lò Thị P không yêu cầu anh Quảng Văn X cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản riêng: Không có; Về nợ chung: Chị P cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Chị Lò Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài L, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị P yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Quảng Văn X có địa chỉ tại bản C, xã CL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Quảng Văn X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Quảng Thị P và anh Quảng Văn X kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 13/01/2016, tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, kể từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn, đến đầu năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do anh X không chịu lao động, chơi bời sử dụng ma túy dẫn đến nghiện ma túy, mặc dù đã được chị P cùng gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không được, cuộc sống vợ chồng thường Xu xảy ra xung đột, mâu thuẫn, việc anh X sử dụng ma túy đã ảnh hưởng lớn đến cuộc sống gia đình, ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con cái. Hiện tại chị P và anh X đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị P cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Quảng Văn X.

Đối với bị đơn anh Quảng Văn X trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải với mục đích hòa giải hàn gắn quan hệ vợ chồng, nhưng anh X không chấp hành, không tham gia phiên hòa giải.

Việc anh X không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tiến hành, điều đó chứng minh anh X không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Trên cơ sở xem xét các chứng cứ, bản tự khai và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng chị P, anh X không hạnh phúc mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do anh X chơi bời, không chịu lao động, nghiện chất ma túy, đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị P, anh X đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị P và xử cho chị Lò Thị P được ly hôn anh Quảng Văn X.

[3] Về con chung: Chị P và anh X có 03 con chung, cháu Quảng Thị Xu, sinh ngày 18/11/2009; cháu Quảng Thị L, sinh ngày 01/3/2011; cháu Quảng Thị HA, sinh ngày 20/11/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cả ba cháu đều đang sống cùng chị P, Chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dạy và chăm sóc cả ba con.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 14/7/2020: Ý kiến của cháu Quàng Thị Xu và cháu Quàng Thị L đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện TC: Chị P có thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi và làm thêm. Anh X là đối tượng nghiện ma túy sống lang thang (anh X là đối tượng nghiện ma túy đang bị Ủy ban nhân dân xã CL lập hồ sơ quản lý cai nghiện).

Xét thấy chị Lò Thị P có công việc và thu nhập ổn định, anh Quàng Văn X không có công việc, thu nhập, nghiện ma túy. Y kiến, nguyện vọng của hai cháu Xuyên, cháu L được ở với mẹ, cháu Quàng Thị HA còn nhỏ do đó cần giao các cháu Quàng Thị Xu, cháu Quàng Thị L, cháu Quàng Thị HA cho chị Lò Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chấp nhận chị Lò Thị P không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Lò Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[1] Xử cho chị Lò Thị P được ly hôn anh Quàng Văn X.

[2] Về con chung: Giao cháu Quàng Thị Xu, sinh ngày 18/11/2009; cháu Quàng Thị L, sinh ngày 01/3/2011; cháu Quàng Thị HA, sinh ngày 20/11/2015 cho chị Lò Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Quàng Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con chung (Chị P không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con).

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Lò Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số:

AA/2016/0000852, ngày 09 tháng 7 năm 2020, của Chi Cc thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị P có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/9/2020). Bị đơn anh Quàng Văn X được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi Cc THADS huyện TC;
- UBND xã CL, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Nghĩa